

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chuyên khoa Mắt năm 2026
- Địa điểm: Số 605 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, TP.HCM.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
1	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, đơn tiêu loại 1	<ol style="list-style-type: none">1. Chất liệu: Acrylic Hydrophobic;2. Màu sắc: Màu vàng, lọc ánh sáng xanh;3. Đường kính Optic $\geq 6\text{mm}$, chiều dài tổng thể $\geq 13\text{mm}$;4. Thiết kế còng: còng chữ C hoặc L;5. Thiết kế optic: phi cầu;6. Dải công suất: đảm bảo cung cấp được đủ dải công suất (P) từ +0 D đến +34 D;7. Chỉ số khúc xạ: $n \geq 1.46$;8. Kích thước vết mổ $\leq 2.4\text{mm}$; Thủy tinh thể kèm theo dụng cụ đặt kính.
2	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, đơn tiêu loại 2	<ol style="list-style-type: none">1. Chất liệu Acrylic không ngấm nước.2. Đường kính Optic $\geq 6\text{mm}$; chiều dài tổng $\geq 13\text{mm}$;3. Thiết kế còng: còng chữ C hoặc L, góc còng 0 độ;4. Thiết kế Optic: Thấu kính phi cầu điều chỉnh cầu sai về gần zero; bờ sau vuông 360 độ liên tục,5. Thiết kế 3 điểm cố định túi bao; kéo dài tiêu cự, tăng cường thêm tầm nhìn trung gian;6. Dải công suất: từ +5.0D đến +34.0D;7. Chỉ số khúc xạ ≥ 1.46;8. Kích thước vết mổ $\leq 2.4\text{mm}$; Thủy tinh thể không lắp sẵn đóng gói riêng kèm Cartridge sử dụng 1 lần sử dụng trên dụng cụ đặt kính Injector kiểu

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
		xoay.
3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, đơn tiêu loại 3	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu: Acrylic Hydrophobic; 2. Màu sắc: màu vàng, lọc ánh sáng xanh, tia UV; 3. Đường kính optic từ 5mm đến 6mm; Chiều dài tổng thể từ 10mm đến 11mm; 4. Thiết kế càng: 4 càng; 5. Thiết kế optic: Phi cầu; 6. Dải công suất: từ -10 D đến + 30.0 D; 7. Chỉ số khúc xạ $n \geq 1.46$; 8. Kích thước vết mổ $\leq 2.4\text{mm}$; Thủy tinh thể kèm theo dụng cụ đặt kính.
4	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, đơn tiêu loại 4	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu: Acrylic ngậm nước kết hợp với bề mặt không ngậm nước; 2. Đường kính optic: $\geq 6\text{mm}$, Chiều dài tổng từ $\geq 13.0\text{mm}$; 3. Thiết kế càng: Càng chữ C hoặc L; 4. Thiết kế optic: Phi cầu; 5. Dải công suất: - 20 D -->+ 45D 6. Chỉ số khúc xạ : ≥ 1.46; 7. Kích thước vết mổ $\leq 2.4\text{mm}$; 8. Thủy tinh thể kèm theo Injector + Cartridge sử dụng 1 lần.
5	Thủy tinh thể mềm 1 mảnh, đơn tiêu, loại 5.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu Acrylic ngậm nước kết hợp với bề mặt kỵ nước. 2. Đường kính optic: $\geq 6.0\text{mm}$, tổng chiều dài kính $\geq 11\text{mm}$ 3. Kính (optic) và càng (haptic) thiết kế gờ vuông, bờ vuông mặt sau 360 độ liên tục. 4. Thiết kế càng: 4 càng hoặc dạng phiến hoặc dạng đĩa 5. Kính (optic): cầu sai trung tính, phi cầu mặt sau. 6. Dải công suất: $\pm 0.0\text{D}$ tới $+35.0\text{D}$. 7. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.46 8. Kích thước vết mổ: $\leq 2.8\text{mm}$. Kèm dụng cụ đặt kính.

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
6	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 3 mảnh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu Acrylic không ngấm nước, Lọc tia UV 2. Bờ trước tròn chống chói, bờ sau vuông 360 độ 3. Thiết kế càng chữ C hoặc L 4. Đường kính Optic $\geq 6\text{mm}$, chiều dài tổng $\geq 12.5\text{mm}$ 5. Dải Diop : từ +10.0D đến +30.0D. 6. Chỉ số khúc xạ: $n \geq 1.46$. 7. Kích thước vết mổ $\leq 3.0\text{mm}$. 8. Thủy tinh thể không lắp sẵn đóng gói riêng kèm Cartridge sử dụng 1 lần sử dụng trên dụng cụ đặt kính Injector kiểu xoay.
7	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu, 1 mảnh loại 1	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu: hợp chất Acrylic (Acrylates) với bề mặt kỵ nước, lọc tia cực tím (UV); 2. Đường kính optic: $\geq 6.0\text{mm}$; Chiều dài: 11.0mm đến 11.5mm; 3. Thiết kế càng: Một mảnh, mềm dạng phiến (Plate design); khúc xạ toàn phần không đối xứng; Góc càng 0 độ 4. Thiết kế optic: Kính công suất (+) 2 mặt lõm; Kính công suất (-) một mặt lõm, một mặt lồi; 5. Phi cầu mặt sau. Vùng nhìn gần hình quạt mặt trước: +1.5D; 6. Dải công suất: -10.0D tới -1.0D (1.0D) $\pm 0.0\text{ D}$ tới +36.0D (0.5D); 7. Chỉ số khúc xạ: $\geq 1,46$; 8. Kích thước vết mổ: $\leq 2.4\text{mm}$; Kèm dụng cụ đặt kính.
8	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu, 1 mảnh loại 2	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chất liệu: Hợp chất Acrylic (Acrylates) với bề mặt kỵ nước; 2. Đường kính optic: \geq Từ 6.0mm. Chiều dài: từ 11mm đến 11.5mm; 3. Thiết kế càng: Một mảnh, mềm dạng phiến; khúc xạ toàn phần không đối xứng; 4. Thiết kế optic: Kính công suất (+) 2 mặt lõm; Kính công suất (-) một mặt lõm, một mặt lồi; Tăng cường thêm vùng nhìn gần, vùng nhìn gần hình quạt mặt

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
		<p>trước: +3.0D;</p> <p>5. Mặt kính: Phi cầu mặt sau. Phù hợp với đồng tử nhỏ;</p> <p>6. Dải công suất: -10.0D tới -1.0D (1.0D). ± 0.0 D tới + 36.0D (0.5D)</p> <p>7. Chỉ số khúc xạ $n \geq 1.46$;</p> <p>8. Kích thước vết mổ: $\leq 2.4\text{mm}$; Kèm dụng cụ đặt kính.</p>
9	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu, 1 mảnh loại 3	<p>1. Chất liệu: Acrylic kỵ nước;</p> <p>2. Đường kính optic: $\geq 6.00\text{mm}$; Đường kính tổng: $\geq 13\text{mm}$;</p> <p>3. Thiết kế còng: Còng Chữ C hay L;</p> <p>4. Góc còng: 0 độ;</p> <p>5. Thiết kế optic: phi cầu, thiết kế 3 điểm cố định túi bao; kết hợp công nghệ kéo dài tiêu cự (EDOF) Bờ sau vuông 360 độ</p> <p>6. Dải công suất: từ + 5D đến + 34D;</p> <p>7. Chỉ số khúc xạ $n \geq 1.46$.</p> <p>8. Đường kính vết mổ $\leq 2.4\text{mm}$; Kèm dụng cụ đặt kính.</p>
10	Dao mổ mắt 15 độ	<p>1. Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, phủ Silicon, mài theo công nghệ mài ngang.</p> <p>2. Dao thẳng lưỡi dao có các kích cỡ 15 độ.</p> <p>3. Có hộp nhựa bảo vệ.</p>
11	Dao tạo đường hầm 2.4mm	<p>1. Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, phủ silicon.</p> <p>2. Kích thước lưỡi dao ngang: 2.4mm, hai mặt vát, gập góc 45 độ</p> <p>3. Tay cầm bằng nhựa. Có hộp nhựa bảo vệ.</p>
12	Dao tạo đường hầm 3.0mm	<p>1. Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép không gỉ, phủ silicon.</p> <p>2. Kích thước lưỡi dao ngang: 3.0mm, hai mặt vát, gập góc 45 độ;</p> <p>3. Tay cầm bằng nhựa. Có hộp nhựa bảo vệ.</p>

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật
13	Cassette dùng cho máy Phaco Centurion Vision System (Active Sentry)- Alcon	Cassette centurion chủ động (8065752201) hoặc tương đương
14	Cassette dùng cho máy Phaco Laureate - Alcon	Ultrasound Cassette cho máy Phaco Laureate
15	Chất nhầy	Chất nhầy phẫu thuật phaco, loại DUOVISC hoặc Chất nhầy phẫu thuật Healon Pro 0.55ml 1. Chất nhầy phẫu thuật nội nhãn, thành phần Hyaluronate Sodium 1% (10mg/ml), 2. ống 0,55 ml, 3. trọng lượng phân tử trung bình 3.2 triệu Dalton, 4. độ nhầy 150.000 mPas; 5. độ thẩm thấu 200-400 mosmol / kg 6. độ pH 6,8-7,6.
16	Dung dịch BSS	Dung dịch BSS 500ml
17	Chất nhuộm bao	Chất nhuộm bao dùng trong phẫu thuật phaco: Trypan Blue 0.6mg/ml

Ghi chú:

- Các nhãn hiệu, mã hiệu, tên thương mại được nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ nhằm mục đích tham khảo, minh họa cho yêu cầu về tính năng và thông số kỹ thuật của hàng hóa, không được xem là tiêu chí đánh giá bắt buộc. Nhà thầu được phép chào thầu hàng hóa khác, với điều kiện phải chứng minh được hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng tương đương và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại E-HSMT.

- Trường hợp nhà thầu chào thầu hàng hóa có quy cách khác so với quy cách yêu cầu trong E-HSMT thì quy cách dự thầu phải đảm bảo lớn hơn hoặc bằng quy cách yêu cầu. Đối với các mặt hàng hóa chất có yêu cầu kèm theo hóa chất kiểm chuẩn (Calibrator, Control), nhà thầu phải chào thầu đầy đủ các loại hóa chất này theo quy định của E-HSMT.

1.3. Các yêu cầu khác: Nhà thầu phải cam kết các nội dung sau:

+ Hàng hóa mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau.

+ Cam kết thu hồi hàng hóa bị lỗi do nhà sản xuất hoặc bị lỗi do quá trình vận chuyển đến kho của Bệnh viện hoặc trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

+ Sẵn sàng thay thế hàng hóa khi hết hạn sử dụng và thực hiện thay thế lô sản phẩm khi không đảm bảo sử dụng do lỗi kỹ thuật.

+ Cung cấp Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu (đối với các hàng hóa nhập khẩu).

+ Cam kết hàng hóa cung cấp có đầy đủ giấy tờ theo quy định tại Điều 22 Nghị định 98/2021/NĐ-CP.

+ Cam kết thực hiện kê khai giá, niêm yết giá theo quy định tại Điều 44, Điều 45 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP.

1.4 Nhà thầu liệt kê danh mục hàng hóa dự thầu

Nhà thầu phải nộp kèm theo E-HSMT các file excel theo mẫu sau (xem file excel đính kèm)

BẢNG DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU

Stt	Mã phân	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Nhãn hiệu	Mã hiệu	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/nước chủ sở hữu	Số cấp giấy phép nhập khẩu hoặc giấy chứng nhận lưu hành hoặc phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn sản phẩm	Phân loại		Năm sản xuất	Thông số kỹ thuật	Mã HS	Quy cách
										Loại	Bảng phân loại				

*** Ghi chú:**

- Nhà thầu tự kê khai và kèm tài liệu chứng minh. Trong tài liệu nhà thầu highlight các sản phẩm dự thầu và ghi số thứ tự hàng hóa trong trong HSMT.

BẢNG SO SÁNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT HÀNG HÓA DỰ THẦU

Stt	Thông số kỹ thuật yêu cầu trong E-HSMT	Thông số kỹ thuật dự thầu	Tài liệu chứng minh
(1)	(2)	(3)	(4)
			Trang ... catalogue hoặc hướng dẫn sử dụng

*** Ghi chú:**

(1), (2), (3) - Nhà thầu tự kê khai

(4) - Nhà thầu liệt kê số trang cụ thể và kèm tài liệu chứng minh.

Mục 2. Bản vẽ: Không